TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 764/2026/DS-PT
Ngày: 08-9-2026
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;
Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 8 và 08 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 970/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc "*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 214/2025/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường P, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là: Số A, đường P, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp), (văn bản ủy quyền ngày 14/10/2024).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ G, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn S, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Số D, đường N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là: Số D, đường N, phường T, tỉnh Đồng Tháp, văn bản ủy quyền ngày 19/6/2026).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lý Thị Thùy H1, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Số F, đường L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ngọc H đại diện nguyên đơn trình bày:

Chị L là con của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (chết năm 2021) và bà Lý Thị Thùy H1. Cha và mẹ của chị L đã ly hôn vào khoảng năm 1989. Ông C có 02 người con là chị L và anh G.

Khi còn sống ông C có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.118m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 300m^2; đất trồng cây lâu năm: 1.818m^2), tại ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00051, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/6/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn C. Trên đất có căn nhà cấp 4.

Trước khi chết ông C không có lập di chúc. Chị L nhiều lần yêu cầu anh G khai nhận di sản thừa kế của cha chết để lại nhưng anh G không đồng ý.

Vì vậy, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Công nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.118m^2, tại ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C chết để lại.

Chia di sản thừa kế là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang thành 02 phần bằng nhau. Chị L yêu cầu nhận phần đất có diện là 960,9m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 150m^2; đất trồng cây lâu năm: 810,9m^2), chị L đồng ý trả lại giá trị

cây trồng cho anh G. Không yêu cầu anh G trả lại chi phí tố tụng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 30/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông G1 đại diện bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn C (chết năm 2021), có vợ là bà Lý Thị Thùy H1, nhưng ông C và bà H1 đã ly hôn khoảng năm 1989. Ông C có 02 người con là chị L và anh G.

Nguồn gốc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.118m^2, tại ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang mà ông C đứng tên quyền sử dụng đất là do ông bà để lại. Tuy nhiên, thửa đất số 44 được cấp cho hộ ông C vào năm 2009, nên anh G không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu chia tài sản trong hộ và chia thừa kế phần di sản của ông C. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật thì anh G yêu cầu được chia thêm 1/3 của kỷ phần thừa kế vì anh G có công quản lý, tôn tạo di sản, nhưng trước khi chia yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại tài sản là cây trồng của anh G vì giá đã định trước đây là thấp và không dựa vào căn cứ pháp lý nào cả.

Anh G thống nhất với lời trình bày ông G1.

Bà Thùy H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 214/2025/DS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L.

2. Công nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp) là di sản của ông Nguyễn Văn C.

3. Chia cho chị Nguyễn Ngọc L phần đất diện tích 960,9m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 150m^2; đất trồng cây lâu năm: 810,9m^2), thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp), do ông Nguyễn Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất (Có sơ đồ kèm theo).

4. Chia cho anh Nguyễn Hoàng G phần đất diện tích 1.146,3m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 150m^2; đất trồng cây lâu năm: 996,3m^2), thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L,

huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp), do ông Nguyễn Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất (Có sơ đồ kèm theo), trên đất có căn nhà cấp 4.

Chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Hoàng G được quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với điện tích đất được chia nêu trên, theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 133 của Luật Đất đai.

5. Chị Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Hoàng G là 84.208.000 đồng (T mươi bốn triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/11/2025, ông Nguyễn Hoàng G kháng cáo yêu cầu hủy Bản án số: 214/2025/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Phía nguyên đơn thống nhất với diện tích đất mà cấp sơ thẩm đã chia và đồng ý trả lại phía bị đơn tổng giá trị cây trồng trên phần đất được chia là 100.000.000đ.

Phía bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến công sức đóng góp của anh G trong phần di sản của ông C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Phía anh G kháng cáo nhưng không chứng minh được cấp sơ vi phạm đến mức nghiêm trọng phải hủy án nên yêu cầu này không có căn cứ xem xét. Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm anh G yêu cầu định giá lại di sản tại thời điểm xét xử phúc thẩm, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án so thẩm theo hướng giữ nguyên diện tích mà bản án sơ thẩm chia cho các đương sự và áp dụng mức giá cây trồng theo chứng thư định giá ngày 30/7/2026.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc L khởi kiện yêu cầu công nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.118m^2, tại ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C chết để lại; Yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Tranh chấp chia thừa kế tài sản"* và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2025 anh G kháng cáo bản án là trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Các đương sự tranh chấp phần di sản (QSDĐ) của ông C chết để lại là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.118m^2, tại ấp I, xã L, huyện C. Phần đất này được cấp lần đầu cho hộ ông C vào ngày 06/5/1997, diện tích 2.640m^2, đến ngày 19/12/2000 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích 457m^2, diện tích còn lại 2.118m^2 và được cấp đổi lại giấy quyền sử dụng đất ngày 18/6/2009, tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất (1997 và 2009) trong hộ gia đình ông C có 03 nhân khẩu gồm: ông C, chị L và anh G.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (chết 13/12/2021) và bà Lý Thị Thùy H1 là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 1989. Ông bà có 02 người con là chị L và anh G, cha mẹ ông C đã chết trước ông C (ông Nguyễn Minh C1 sinh năm 1932, chết ngày 09/4/2010, bà Phan Thị Đ1 sinh năm 1937 chết ngày 23/8/2019) nên hàng thừa kế thứ nhất của ông C chỉ có chị L và anh G. Đối với bà H1, tại phiên tòa ngày 26/8/2026 bà Lý Thị Thùy H1 khai bà và ông C đã ly hôn từ năm 1989, lúc này bà giao hết tài sản (nhà, đất) cho ông C để ông nuôi con chung, nay bà khẳng định không tranh chấp gì phần tài sản của ông C chết để lại, đề nghị Tòa án chia cho chị L và anh G theo luật định.

Cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp là di sản của ông Nguyễn Văn C và chia thừa kế cho chị Nguyễn Ngọc L diện tích 960,9m^2; Chia cho anh Nguyễn Hoàng G phần đất diện tích 1.146,3m^2 và buộc chị L trả giá trị cây trồng cho anh G số tiền 84.208.000 đồng là có căn cứ, tuy nhiên ở giai đoạn phúc thẩm phía anh G yêu cầu định giá lại, theo Chứng thư định giá của Công ty cổ phần G2, thẩm định S lập ngày 30/7/2026 thì số lượng cây và giá trị cây

trồng trên phần đất mà cấp sơ thẩm chia cho chị L tăng lên (tăng 5 cây, giá trị tăng lên 166.072.000đ). Xét thấy, anh G yêu cầu định giá lại không có sự chứng kiến của chị L nên số lượng cây chị L chỉ chấp nhận số liệu theo biên bản do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm lập ngày 22/01/2025. Ý kiến của chị L là có cơ sở nên cần lấy số liệu theo biên bản ngày 22/01/2025 và giá trị cây theo chứng thư định giá lập ngày 30/7/2026 làm căn cứ hoàn trả cho anh G là phù hợp.

Về việc anh G khai mua đất của người khác và nhờ ông C đứng tên, xét việc khai nại này không có căn cứ, bỡi lẽ, tại thời điểm năm 2000 anh G mới 17 tuổi, sống lệ thuộc gia đình, từ lúc đó đến nay anh cũng không yêu cầu ông C tách riêng QSDĐ cho anh, đồng thời anh cũng không cung cấp tài liệu (giấy mua bán, hợp đồng chuyển nhượng) để chứng minh nên ý kiến của anh không có cơ sở xem xét.

Đối với số liệu đo đạc mới (Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 27/5/2026) của Chi nhánh văn phòng Đ2 - Đồng Tháp, xét thấy kết quả đo đạc này được thực hiện theo yêu cầu của anh G, không căn cứ vào phán quyết của Tòa án và sự đồng ý của phía nguyên đơn nên không thể dựa vào kết quả này để phân chia quyền sử dụng đất cho các đương sự.

Phía anh G kháng cáo yêu cầu hủy án nhưng không chứng minh được cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng hay sai sót nghiêm trọng khi giải quyết vụ án nên không có căn cứ để xem xét. Mặt khác phía anh G được chia phần đất diện tích nhiều hơn, trong đó có căn nhà do ông C xây dựng (chị L không tranh chấp) và buộc chị L trả giá trị cây trồng (đa số do ông C trồng trước khi chết) là đã có lợi cho phía bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ sửa phần giá trị cây trồng cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần giám định, thẩm định Sài Gòn ngày 30/7/2026 thì các cây trồng trên phần đất chị L được chia có giá 162.115.500đ, chị L có nghĩa vụ trả phần giá trị này lại cho anh G.

Về án phí: Phần tài sản anh G được chia (diện tích đất) nhiều hơn chị L (anh G được chia đất giá trị là 588.011.000đ; Chị L được chia đất giá trị là 495.867.000đ), đồng thời phía chị L còn có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho phía anh G 162.115.500đ (cấp sơ thẩm buộc trả 84.208.000đ) nhưng cấp sơ thẩm buộc cả 02 chịu án phí tương đương nhau là chưa phù hợp, cần điều chỉnh lại phù hợp thực tế và đúng với quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng G.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 214/2025/DS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, các điều 609, 612, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 25, 33 Điều 3; điểm k khoản 1 Điều 133 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L.

2. Công nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp) là di sản của ông Nguyễn Văn C.

3. Chia cho chị Nguyễn Ngọc L phần đất diện tích 960,9m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 150m^2; đất trồng cây lâu năm: 810,9m^2), thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp), do ông Nguyễn Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất (Có sơ đồ kèm theo). Phần đất diện tích 960,9m^2 có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất của bà Nguyễn Thị H2 dài 19,51m, giáp đất của bà Vũ Thị L1 dài 20,76m;

- Phía Tây: Giáp phần đất chia cho anh Nguyễn Hoàng G dài 39,77m;

- Phía Nam: Giáp đất của bà Nguyễn Thị Đ dài 27,46m;

- Phía Bắc: Giáp đường bê tông dài 20,13m.

4. Chia cho anh Nguyễn Hoàng G phần đất diện tích 1.146,3m^2 (trong đó đất ở nông thôn: 150m^2; đất trồng cây lâu năm: 996,3m^2), thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.107,2m^2, ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp I, xã L, tỉnh Đồng Tháp), do ông Nguyễn Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất (Có sơ đồ kèm theo), trên đất có căn nhà cấp 4. Phần đất diện tích 1.146,3m^2 có tứ cận như sau:

- Phía Đông: Giáp đất chia cho chị Nguyễn Ngọc L dài 39,77m;

- Phía Tây: Giáp phần đường đất dài 38,9m;

- Phía Nam: Giáp đất của bà Nguyễn Thị Đ dài 21,49m và đất của ông Nguyễn Hoan H3 dài 11,06m;

- Phía Bắc: Giáp đường bê tông dài 24,51m.

Chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Hoàng G được quyền đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với điện tích đất được chia nêu trên, theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 133 của Luật Đất đai.

5. Chị Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Hoàng G là 162.115.500 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm mười lăm ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu 30.319.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0016909 ngày 09/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Tháp). Vậy chị L phải nộp tiếp 25.319.300 đồng.

Anh Nguyễn Hoàng G phải chịu 27.520.440 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

H4 lại cho anh Nguyễn Hoàng G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007897, ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng GĐ, KT, TT & THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực 4 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (D).

Nguyễn Ngọc Thái Dũng